

TÁC ĐỘNG CỦA THANH KHOẢN ĐẾN KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

TS. Lê Duy Khánh*

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2010 - 2022. Ước lượng bằng hồi quy FGLS đối với dữ liệu bảng cho thấy thanh khoản có tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng. Kết quả nghiên cứu này đem lại cho các ngân hàng thương mại các hàm ý chính sách quan trọng trong việc cân đối danh mục tài sản thanh khoản và tài sản sinh lời. Trong khi đó, cơ quan quản lý cần tránh các cú sốc trong điều hành nhằm hạn chế tình trạng thiếu hụt thanh khoản ở các ngân hàng, đặc biệt trong môi trường kinh doanh nhiều biến động hiện nay.

• Từ khóa: ngân hàng thương mại, hiệu quả, thanh khoản, khả năng sinh lời.

This study aims to assess the impact of liquidity on the profitability of the Vietnamese banking system during the period 2010-2022. Panel data regression using FGLS estimation reveals a negative correlation between liquidity and bank profitability. The findings of this research offer significant policy implications for commercial banks in balancing their liquidity and profitability portfolios. Meanwhile, policymakers should avoid abrupt policy shifts to mitigate liquidity shortages in banks, especially in the current volatile business environment.

• Key words: commercial bank, efficiency, liquidity, profitability.

Ngày gửi bài: 24/12/2024

Ngày gửi phản biện: 25/12/2024

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 17/02/2025

Ngày chấp nhận đăng: 05/3/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i286.15>

1. Đặt vấn đề

Sau cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu giai đoạn 2008 - 2010, hệ thống ngân hàng Việt Nam đối mặt với nhiều khó khăn. Nhiều ngân hàng rơi vào tình trạng thiếu thanh khoản, phải tham gia vào cuộc đua lãi suất dẫn đến việc Ngân hàng Nhà nước phải áp trần lãi suất tiền gửi kéo dài cho đến hiện nay.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã tiến hành quá trình tái cơ cấu hệ thống các ngân hàng thương mại giai đoạn 2011 - 2015 với mục tiêu xử lý khủng hoảng thanh khoản, giải quyết nợ xấu, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động, sáp nhập và hợp nhất những ngân hàng nhỏ, yếu, đồng thời xây dựng một số ngân hàng có quy mô lớn ngang tầm khu vực.

Cho đến nay, nhiều ngân hàng yếu đã được xử lý. Thanh khoản của hệ thống ngân hàng đã ổn định.

Nhiều ngân hàng đạt tốc độ tăng trưởng cao về quy mô và hiệu quả hoạt động. Tuy vậy, cuộc khủng hoảng thanh khoản kéo dài nhiều năm sau 2008 đã có ảnh hưởng như thế nào đến khả năng sinh lời của các ngân hàng vẫn cần có câu trả lời thỏa đáng. Nghiên cứu này được thực hiện để trả lời cho câu hỏi đó.

2. Tổng quan lý thuyết

2.1. Lý thuyết về mối quan hệ giữa thanh khoản và khả năng sinh lời của ngân hàng

Tính thanh khoản của ngân hàng thương mại là khả năng tài trợ cho tất cả các nghĩa vụ hợp đồng khi đến hạn. Chúng bao gồm việc đáp ứng cho các nhu cầu rút tiền hàng ngày và bất thường của khách hàng tiền gửi, nhu cầu giải ngân của các khoản tín dụng và nguồn vốn cho hoạt động đầu tư (Amengor, 2010). Trong khi đó, khả năng sinh lời của ngân hàng là khả năng ngân hàng tạo ra doanh thu vượt quá chi phí của ngân hàng. Một khu vực ngân hàng lành mạnh và có lợi nhuận sẽ có khả năng chống chịu tốt hơn với những cú sốc tiêu cực và đóng góp vào sự phát triển kinh tế và sự ổn định của hệ thống tài chính (Athanasoglou và cộng sự, 2008).

Có ý kiến cho rằng thanh khoản giúp ngân hàng chống chịu với những cú sốc của nền kinh tế, từ đó thúc đẩy hiệu quả của các ngân hàng (Rasul, 2013). Tuy nhiên, một quan điểm phổ biến hơn cho rằng việc ngân hàng nắm giữ nhiều tài sản thanh khoản có thể khiến các ngân hàng mất đi cơ hội sinh lời từ các tài sản đó. Vì vậy, thanh khoản của ngân hàng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của chính ngân hàng (Al Nimer và cộng sự, 2015).

2.2. Các nghiên cứu trước về mối quan hệ giữa thanh khoản và khả năng sinh lời của ngân hàng

Athanasoglou và cộng sự (2008) khi nghiên cứu về các yếu tố tác động đến khả năng sinh lời của các tổ chức tín dụng Đông Nam Âu trong giai đoạn 1998-

* Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh; email: khanh.ld@ou.edu.vn

2002 thấy rằng thanh khoản không có mối quan hệ với khả năng sinh lời của các ngân hàng này.

Bordeleau và Graham (2010) phân tích tác động của việc nắm giữ tài sản lưu động đến khả năng sinh lời của ngân hàng đối với mẫu là các ngân hàng lớn của Mỹ và Canada. Kết quả cho thấy khả năng sinh lời được cải thiện đối với các ngân hàng nắm giữ một số tài sản lưu động. Tuy nhiên, có một điểm mà tại đó việc nắm giữ thêm tài sản lưu động sẽ làm giảm lợi nhuận của ngân hàng, tất cả các yếu tố khác đều không đổi. Hơn nữa, bằng chứng thực nghiệm cũng cho thấy mối quan hệ này thay đổi tùy thuộc vào mô hình kinh doanh của ngân hàng và tình trạng của nền kinh tế.

Trong khi đó, Bace (2016) dùng tỷ lệ tài sản lưu động trên tiền gửi đại diện cho thanh khoản và đánh giá mối quan hệ với khả năng sinh của khoảng 13.000 ngân hàng nhận tiền gửi lớn nhất thế giới trong các năm 2014 - 2015. Kết quả từ nghiên cứu này cho thấy thanh khoản có mối quan hệ hơi tiêu cực với lợi nhuận. Điều này có thể gợi ý rằng các ngân hàng có thể đang hoạt động tốt bằng cách duy trì đủ thanh khoản và vốn.

Bằng cách sử dụng bộ dữ liệu bảng không cân bằng của các ngân hàng thương mại ở 12 nền kinh tế tiên tiến trong giai đoạn 1994-2006, Chen và cộng sự (2018) tìm thấy bằng chứng rằng rủi ro thanh khoản có tác động tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của ngân hàng trong hệ thống tài chính dựa trên thị trường.

Bitar và cộng sự (2020) nghiên cứu về vai trò của vốn và thanh khoản đối với hiệu quả của các ngân hàng Hồi giáo và ngân hàng thường. Các tác giả sử dụng mẫu là 4.123 quan sát từ 28 quốc gia trong giai đoạn 2005 - 2012. Kết quả cho thấy mức vốn cao hơn và tỷ lệ thanh khoản có tác động tích cực lên cả hai loại hình ngân hàng. Hơn nữa, hiệu ứng này mạnh hơn đối với các ngân hàng truyền thống hoạt động hiệu quả, nhỏ, có tính thanh khoản cao và có vốn hóa cao.

Doan và Bui (2021) nghiên cứu tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của 26 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2013 - 2018. Kết quả ước lượng bằng hồi quy GMM cho thấy rằng thanh khoản tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng với thanh khoản được đo lường bằng tỷ lệ tài sản thanh khoản trên tổng tài sản. Tuy nhiên, nếu thanh khoản được đo lường bằng tỷ lệ cho vay trên tiền gửi, mối quan hệ này là mối quan hệ dương.

Nghiên cứu của Adelopo và cộng sự (2022) nhằm đánh giá tác động của vốn và thanh khoản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng châu Âu trong giai đoạn hậu khủng hoảng. Nghiên cứu xem xét các ngân hàng lớn nhất ở Liên minh châu Âu trải rộng trên 28 quốc gia trong giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2018. Kết quả cho thấy mối liên hệ tích cực và có ý nghĩa

giữa mức độ thanh khoản và hiệu quả hoạt động của ngân hàng, còn các yêu cầu về vốn tác động đến khả năng sinh lời không thật sự rõ ràng.

Trong khi đó, Oanh và cộng sự (2023) phân tích tác động của cấu trúc vốn và thanh khoản ngân hàng lên hiệu quả hoạt động của 37 ngân hàng Việt Nam giai đoạn 2003 - 2020. Bằng tiếp cận Bayes, nghiên cứu chỉ ra tác động tích cực của thanh khoản ngân hàng đến hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại tại Việt Nam.

Bilal và cộng sự (2024) nghiên cứu về mối quan hệ giữa rủi ro thanh khoản và hiệu quả ở các quốc gia thuộc hội đồng hợp tác cùng Thịnh (Gulf Cooperation Council) trong giai đoạn 2007 - 2021. Kết quả cho thấy rằng tác động của rủi ro thanh khoản đến lợi nhuận của ngân hàng khác nhau giữa các quốc gia dựa trên ngân hàng (bank-based countries) và dựa trên thị trường (market-based systems). Cụ thể, kết quả cho thấy lợi nhuận của các ngân hàng hoạt động tại các quốc gia dựa trên ngân hàng bị ảnh hưởng tích cực bởi rủi ro thanh khoản so với các ngân hàng tại các quốc gia dựa trên thị trường.

Như vậy, có thể thấy về lý thuyết kinh tế, hiện vẫn có hai luồng quan điểm trái ngược nhau về tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại. Trong khi đó, về mặt thực nghiệm, các nghiên cứu cho thấy tồn tại ba xu hướng trong đánh giá tác động của thanh khoản lên khả năng sinh lời của ngân hàng, gồm: (i) không tác động; (ii) tác động cùng chiều; và (iii) tác động ngược chiều. Vì vậy, việc tiến hành nghiên cứu này đối với trường hợp các ngân hàng thương mại Việt Nam là cần thiết.

3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu

3.1. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

Để đánh giá tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2022, nghiên cứu này sử dụng mô hình được đề xuất bởi Athanasoglou và cộng sự (2008) có điều chỉnh, đồng thời bổ sung thêm các đặc thù như quá trình tái cấu trúc hệ thống ngân hàng Việt Nam 2011 - 2015 (Vo và Nguyen, 2018), Covid19 (Rahmi và Sumirat, 2021). Mô hình nghiên cứu cụ thể như sau:

$$ROA_{i,t} = \beta_0 + \beta_1 LIQ_{i,t} + \beta_2 COST_{i,t} + \beta_3 SIZE_{i,t} + \beta_4 OWNER_{i,t} + \beta_5 GDP_t + \beta_6 INF_t + \beta_7 RESTRUC_t + \beta_8 COVID_t + \varepsilon_{it}$$

Trong đó:

ε_{it} : sai số của mô hình, đại diện cho những yếu tố có tác động đến khả năng sinh lời của các ngân hàng còn chưa xác định; i : ngân hàng thứ i trong mẫu (i từ 1 đến 25); t : là số thứ tự của năm (t từ 2010 đến 2022). Các biến số được tính toán và mô tả trong bảng 1.

Theo Al Nimer và cộng sự (2015), nếu ngân hàng nắm giữ quá nhiều tài sản thanh khoản, ngân hàng có thể đánh mất các cơ hội sinh lời khi không thể đầu tư nguồn vốn đó vào các tài sản có tính sinh lời cao hơn. Vì vậy, thanh khoản của ngân hàng có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng sinh lời của nó.

Một số nghiên cứu cũng cho thấy mối quan hệ ngược chiều giữa thanh khoản và khả năng sinh lời của ngân hàng, thể hiện tính chất đánh đổi giữa thanh khoản và hiệu quả hoạt động như Bace (2016); Chen và cộng sự (2018); Doan và Bui (2021).

Vì vậy, nghiên cứu này kỳ vọng rằng: *Thanh khoản của ngân hàng có thể tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của chính ngân hàng.*

3.2. Dữ liệu

Nghiên cứu này lấy dữ liệu từ hai nguồn. Các dữ liệu thuộc về ngân hàng được lấy từ báo cáo tài chính của các ngân hàng được kiểm toán. Các dữ liệu vĩ mô được lấy từ cơ sở dữ liệu của ngân hàng thế giới (WDI - World Development Indicators).

Bảng 1. Mô tả biến và cách tính

Biến	Ký hiệu	Mô tả
Biến phụ thuộc		
Khả năng sinh lời	ROA	$\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế}}{\text{Tổng tài sản}}$
Biến giải thích		
Thanh khoản	LIQ	$\frac{\text{Tổng tiền gửi}}{\text{Tổng dư nợ tín dụng}}$
Các biến kiểm soát		
Chi phí hoạt động	COST	$\frac{\text{Tổng chi phí hoạt động}}{\text{Tổng thu nhập}}$
Quy mô ngân hàng	SIZE	$\ln(\text{tổng tài sản})$
Sở hữu	OWNER	Biến giả, ngân hàng có vốn Nhà nước nhận giá trị 1, còn lại nhận giá trị 0
Tăng trưởng kinh tế	GDP	Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam (% theo năm)
Lạm phát	INF	Tỷ lệ CPI của Việt Nam (% theo năm)
Tái cơ cấu	RESTRU	Biến giả, các năm 2011 - 2015 nhận giá trị 1, còn lại nhận giá trị 0
Đại dịch Covid-19	COVID	Biến giả, các năm 2020 - 2022 nhận giá trị 1, còn lại nhận giá trị 0

Nguồn: Tác giả tổng hợp

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Mô tả thống kê các biến

Bảng 2. Mô tả các biến

Các biến	Số quan sát	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
ROA	325	0.0090	0.0068	0.0000	0.0474
LIQ	325	1.1634	0.2779	0.5540	2.6891
COST	325	0.1958	0.0506	0.0788	0.3359
SIZE	325	18.6289	1.1831	15.9227	21.4750
OWNER	325	0.1600	0.3672	0.0000	1.0000
GDP	325	0.0609	0.0159	0.0256	0.0802
INF	325	0.0575	0.0438	0.0184	0.1858
RESTRU	325	0.3846	0.4873	0.0000	1.0000
COVID	325	0.2308	0.4220	0.0000	1.0000

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm thống kê

Đối với ROA, giá trị nhỏ nhất thuộc về NCB năm 2022 (bằng 0). Năm này NCB có lợi nhuận sau thuế chỉ 8 triệu đồng nên ROA của ngân hàng gần bằng 0.

Trong khi đó, ROA cao nhất đạt mức 4,74% thuộc về Saigonbank năm 2010. Về thanh khoản, tỷ lệ Tiền gửi/ Cho vay thấp nhất là 0.5540 thuộc BAB năm 2011, tức năm này BAB đã phải sử dụng tiền gửi từ thị trường liên ngân hàng để cho vay vì tiền gửi của khách hàng cá nhân và tổ chức kinh tế chỉ chiếm 55,4%. Điều này cho thấy BAB có thể đã đối mặt với rủi ro thanh khoản rất lớn trong thời gian này. Trong khi đó, giá trị thanh khoản lớn nhất thuộc về MSB năm 2014 (2.6891). Con số này cho thấy tình trạng dư thừa thanh khoản tại MSB vào thời gian này khi tiền gửi khách hàng gấp hơn 2,68 lần so với dư nợ cho vay.

4.2. Kiểm định đa cộng tuyến, tự tương quan và phương sai sai số thay đổi

Tác giả kiểm định đa cộng tuyến dựa trên chỉ số VIF và phương pháp do Hair et al. (2014) đề xuất.

Bảng 3. Kết quả kiểm định đa cộng tuyến

Các biến	VIF	1/VIF
LIQ	1.24	0.809095
COST	1.41	0.707424
SIZE	2.12	0.472174
OWNER	1.80	0.556878
GDP	1.60	0.62516
INF	2.34	0.427924
RESTRU	2.03	0.491845
COVID	2.17	0.460211
Trung bình	1.84	

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm thống kê

Kết quả trình bày trong bảng 3 cho thấy các giá trị VIF rất nhỏ, giá trị VIF lớn nhất thuộc về biến INF (2.34), giá trị trung bình (mean) của VIF là 1.84. Như vậy mức độ tồn tại đa cộng tuyến giữa các biến độc lập là không đáng kể.

Đồng thời, nghiên cứu dùng kiểm định Wooldridge (Wooldridge, 2010) để kiểm định tự tương quan và dùng kiểm định Breusch-Pagan/Cook-Weisberg (Breusch & Pagan, 1979; Cook & Weisberg, 1983) để kiểm định phương sai sai số thay đổi.

Bảng 4. Kết quả kiểm định tự tương quan và phương sai sai số thay đổi

Phương pháp kiểm định	Kết quả
Wooldridge test đối với tự tương quan	Prob > F = 0.0000
Breusch-Pagan/Cook-Weisberg test đối với phương sai sai số thay đổi	Prob > chi2 = 0.0000

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm thống kê

Vì kết quả kiểm định cho thấy tồn tại cả tự tương quan và phương sai sai số thay đổi đối với dữ liệu của mô hình nên nghiên cứu sử dụng ước lượng bình phương bé nhất tổng quát khả thi (feasible generalized least squares - FGLS) nhằm đạt được kết quả ước lượng tốt nhất so với các phương pháp ước lượng phù hợp với dữ liệu bảng như Bình phương bé nhất tổng hợp (Pooled Ordinary Least Squares - Pooled OLS), hiệu ứng tác động cố định (Fixed effect model - FEM) hay hiệu ứng tác động ngẫu nhiên (Random effect model - REM).

4.3. Kết quả ước lượng và thảo luận

Kết quả ước lượng tác động của thanh khoản đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam bằng FGLS được trình bày trong bảng 5. Đồng thời tác giả cũng thực hiện kiểm định tính vững của ước lượng bằng cách thay thế biến phụ thuộc *ROA* bằng hai đại lượng đo lường khả năng sinh lời khác của các ngân hàng thương mại là *NIM* (net interest margin - biên lãi ròng) và *ROE* (return on equity - lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu).

Bảng 5. Kết quả ước lượng mô hình bằng FGLS

Biến	Kết quả ước lượng (Biến phụ thuộc: <i>ROA</i>)	Kiểm định tính vững	
		Biến phụ thuộc: <i>NIM</i>	Biến phụ thuộc: <i>ROE</i>
LIQ	-0.0071*** (0.0013)	-0.0161*** (0.0022)	-0.0371*** (0.0065)
COST	0.0060 (0.0075)	0.0723*** (0.0129)	0.0945** (0.0381)
SIZE	0.0016*** (0.0004)	0.0020*** (0.0007)	-0.0221*** (0.0020)
OWNER	-0.0015 (0.0012)	-0.0020 (0.0020)	0.0149** (0.0059)
GDP	0.0114 (0.0254)	-0.0054 (0.0436)	0.0566 (0.1288)
INF	0.0569*** (0.0111)	0.0793*** (0.0191)	0.0740 (0.0566)
RESTRU	-0.0019** (0.0009)	0.0024 (0.0016)	0.0105** (0.0047)
COVID	0.0032*** (0.0011)	0.0022 (0.0019)	0.0163*** (0.0057)
Hằng số	-0.0180** (0.0078)	-0.0099 (0.0134)	0.5121*** (0.0395)
Số quan sát	325	325	325
Số ngân hàng	25	25	25

Ghi chú: giá trị trong ngoặc là độ lệch chuẩn; * $p < 0.1$, ** $p < 0.05$, *** $p < 0.01$

Nguồn: Trích xuất từ phần mềm thống kê

Như vậy, kết quả hồi quy cho thấy thanh khoản có tác động tiêu cực đến khả năng sinh lời của các ngân hàng thương mại Việt Nam trong giai đoạn 2010 - 2022. Điều này có nghĩa rằng, tỷ lệ Tiền gửi/Tổng dư nợ tín dụng càng cao thì hiệu quả ngân hàng càng kém. Như vậy, ngân hàng càng dành nguồn lực cho dự trữ, hiệu quả hoạt động của ngân hàng càng yếu đi.

Kết quả nghiên cứu này có thể xuất phát từ nguyên nhân rằng nếu ngân hàng dành nguồn vốn để duy trì khả năng thanh khoản cao mà ít cho vay thì khả năng sinh lời của ngân hàng có thể bị suy giảm. Trong hoạt động ngân hàng, muốn sinh lời cao thì ngân hàng phải thúc đẩy hoạt động tín dụng, đầu tư và duy trì các tài sản thanh khoản ở mức hợp lý. Nếu ngân hàng đầu tư nhiều vào các tài sản thanh khoản (tiền mặt, dự trữ sơ cấp, dự trữ thứ cấp) thì sẽ mất đi cơ hội sinh lời từ cho vay và đầu tư.

Kết quả kiểm định tính vững khi thay thế biến phụ thuộc *ROA* lần lượt bằng *NIM* và *ROE* đều cho thấy tác động của thanh khoản lên hiệu quả ngân hàng là nhất quán và bền vững. Thanh khoản tác động tiêu cực lên hiệu quả ngân hàng ở mức ý nghĩa 1%. Kết quả này nhất quán với quan điểm lý thuyết của Al Nimer và cộng sự (2015) và các nghiên cứu thực

nghiệm trước như Bace (2016); Chen và cộng sự (2018); Doan và Bui (2021).

Bên cạnh đó, biến số *SIZE* có tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng khi đo lường bằng cả *ROA*, *NIM* và *ROE*. Tuy nhiên, *COST*, *OWNER*, *INF*, *RESTRU* và *COVID* thì chỉ tác động lên *ROA*, *NIM* hoặc *ROE*, còn *GDP* thì không tác động đến khả năng sinh lời của ngân hàng dù được đo bằng thước đo nào.

Kết luận và một số gợi ý chính sách

Kết quả nghiên cứu cho thấy thanh khoản có tác động ngược chiều đến khả năng sinh lời của 25 ngân hàng thương mại Việt Nam giai đoạn 2010 - 2022. Điều đó đòi hỏi các ngân hàng phải quản lý thanh khoản một cách chặt chẽ và hợp lý. Quản lý thanh khoản vừa trên cơ sở bảo đảm nhu cầu chi trả, giải ngân, thanh toán các khoản nợ đáo hạn nhưng đồng thời cân đối được danh mục đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu tạo ra thu nhập cho ngân hàng. Việc nắm giữ quá nhiều tài sản thanh khoản có thể làm suy giảm hiệu quả ngân hàng, ngược lại có thể đẩy các ngân hàng vào rủi ro không đáp ứng được nhu cầu chi trả.

Nghiên cứu này thực hiện trong giai đoạn mà hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn còn chịu ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính toàn cầu 2008 - 2010. Vì vậy, nhiều ngân hàng trong hệ thống đã phải đối mặt với tình trạng thiếu hụt khả năng chi trả kèm tỷ lệ nợ xấu tăng cao. Những cuộc khủng hoảng diễn ra thường xuyên và môi trường kinh doanh thiếu ổn định như hiện nay đòi hỏi các cơ quan quản lý, cụ thể là Ngân hàng Nhà nước phải thận trọng hơn trong việc điều hành, tránh các cú sốc thanh khoản cho các ngân hàng thương mại. Bên cạnh đó, cơ quan quản lý cũng cần chuẩn bị các kịch bản hỗ trợ các ngân hàng thiếu thanh khoản có thể xảy ra trong giai đoạn hiện nay và sắp tới.

Tài liệu tham khảo:

- Adelopo, L., Vichou, N., & Cheung, K. Y. (2022). Capital, liquidity, and profitability in European banks. *Journal of Corporate Accounting & Finance*, 33(1), 23-35.
- Al Nimer, M., Warrad, L., & Al Omari, R. (2015). The impact of liquidity on Jordanian banks profitability through return on assets. *European Journal of Business and Management*, 7(7), 229-232.
- Amengor, E. C. (2010). Importance of liquidity and capital adequacy to commercial banks. A paper presented at induction ceremony of ACCE, UCC Campus.
- Athanasoglou, P. P., Brissimis, S. N., & Delis, M. D. (2008). Bank-specific, industry-specific and macroeconomic determinants of bank profitability. *Journal of international financial Markets, Institutions and Money*, 18(2), 121-136.
- Athanasoglou, P. P., Delis, M. D., & Staikouras, C. (2008). Determinants of Bank Profitability in the South Eastern European Region. *Journal of Financial Decision Making*, 2, 1-17.
- Bitar, M., Pukthuanthong, K., & Walker, T. (2020). Efficiency in Islamic vs. conventional banking: The role of capital and liquidity. *Global Finance Journal*, 46, 100487.
- Bace, E. (2016). Bank profitability: Liquidity, capital and asset quality. *Journal of Risk Management in Financial Institutions*, 9(4), 327-331.
- Bilal, Z., AlGhazali, A., & Samour, A. (2024). GCC banks liquidity and financial performance: does the type of financial system matter?. *Future Business Journal*, 10(1), 57.
- Bordeleau, É., & Graham, C. (2010). The impact of liquidity on bank profitability (No. 2010-38). Bank of Canada.
- Chen, Y. K., Shen, C. H., Kao, L., & Yeh, C. Y. (2018). Bank liquidity risk and performance. *Review of pacific basin financial markets and policies*, 21(01), 1850007.
- Doan, T., & Bui, T. (2021). How does liquidity influence bank profitability? A panel data approach. *Accounting*, 7(1), 59-64.
- Oanh, T. T. K., Van Nguyen, D., Le, H. V., & Duong, K. D. (2023). How capital structure and bank liquidity affect bank performance: Evidence from the Bayesian approach. *Cogent Economics & Finance*, 11(2), 2260243.
- Rahmi, Y., & Sumirat, E. (2021). A study of the impact of alma to profitability during the covid-19 pandemic. *International Journal of Business, Economics, and Law*, 24(3), 54-65.
- Rasul, L. M. (2013). Impact of liquidity on Islamic banks' profitability: Evidence from Bangladesh. *Acta Universitatis Danubius. (Economics)*, 9(2), 23-36.
- Võ, X. V., & Nguyen, H. H. (2018). Bank restructuring and bank efficiency—The case of Vietnam. *Cogent Economics & Finance*, 6(1), 1520423.